

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2017/HSPT

Ngày: 21-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn.**

Ông **Mai Xuân Thành.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 23-8-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2017/TLPT-HS ngày 26-5-2017 đối với bị cáo **Trần Thị Kim D.** Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HSST ngày 18-4-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Kim D, sinh năm 1985 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: hẻm 6XX, đường H, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Trần C và bà Ngô Thị Ph; tiền án tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01-10-2015, có mặt.

2. Phạm Ngọc Th (tên gọi khác: Bi), sinh năm 1981 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT: thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: hẻm 6XX, đường H, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: làm nông; tôn giáo: Phật giáo; con ông Phạm Văn N và bà Phan Thị Tuyết A; vợ là Trần Thị Kim D, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2003; tiền án tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01-10-2015, có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 12-5-1964 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT và

chỗ ở trước khi phạm tội: thôn H, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: làm nông; con ông Bùi Văn Ng và bà Nguyễn Thị A; chồng là Nguyễn Đức Đ và có 08 con (con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 161/2003/HSPT ngày 06-8-2003, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Gá bạc” (chưa chấp hành bản án). Bị bắt tạm giam ngày 13-6-2016, vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại:

1. Bà Ngô Thị Mộng D1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: thôn Y, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: thôn Y, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: thôn Y, xã ĐR1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Lệ Th1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: thôn XX, xã Q, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: số 1X, N, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị X (đã chết); người đại diện hợp pháp của bà X: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960 (là chồng của bà X); địa chỉ cư trú: số 101/1/6, Ama Khê, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn D1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: thôn XX, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

2. Ông Hồ Sỹ H1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: số 391, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: số 100, đường P, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 9-2015, Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th (chung sống với nhau như vợ chồng) và Bùi Thị Thu D cùng nhau bàn bạc để đưa ra thông tin gian dối là “có quen người làm trong ngành Ngân hàng, làm giảng viên trường đại học Công an nên có khả năng giúp vay tiền đáo hạn tại các Ngân hàng và xin học vào trường Đại học trong ngành Công an mà không phải thi” rồi dùng thủ đoạn gian dối như “đóng giả cán bộ Ngân hàng hoặc

nhờ người khác đóng giả cán bộ Ngân hàng” để những người bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt chia nhau tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th và Bùi Thị Thu D chiếm đoạt của bà Ngô Thị Mộng D1 15.000.000 đồng.

Khoảng tháng 01-2015, thông qua mối quan hệ xã hội, Bùi Thị Thu D quen bà Ngô Thị Mộng D1. Khi biết bà Ngô Thị Mộng D1 có nhu cầu vay vốn Ngân hàng, Bùi Thị Thu D nói với bà Ngô Thị Mộng D1 là có người quen làm ở Ngân hàng Đ - Chi nhánh Đắk Lắk và hứa giúp bà Ngô Thị Mộng D1 vay 300.000.000 đồng, với điều kiện được vay tiền là phải đưa trước 05% số tiền cần vay để chi cho “sếp”. Ngày 20-01-2015, bà Ngô Thị Mộng D1 đưa cho Bùi Thị Thu D 15.000.000 đồng để nhờ vay số tiền như đã thỏa thuận; ngày 25-01-2015, Bùi Thị Thu D nhờ Trần Thị Kim D đóng giả cán bộ Ngân hàng Đ - Chi nhánh Đắk Lắk và Phạm Ngọc Th đóng giả là người cho vay đáo hạn Ngân hàng đến nhà bà Ngô Thị Mộng D1 để thẩm định tài sản.

Sau khi nhận 15.000.000 đồng của bà Ngô Thị Mộng D1, Bùi Thị Thu D đưa cho Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th 500.000 đồng, số tiền còn lại Bùi Thị Kim D tiêu xài cá nhân.

2. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của bà Ngô Thị Mộng D1 82.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hà T 10.000.000 đồng.

Thông qua bà Ngô Thị Mộng D1, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th quen chị Nguyễn Thị Hà T. Khi biết bà Ngô Thị Mộng D1 có nhu cầu vay Ngân hàng 300.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Hà T có nhu cầu vay Ngân hàng 200.000.000 đồng, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th hứa sẽ giúp cho vay, với điều kiện phải đưa trước 05% số tiền cần vay để chi cho “sếp”, do bà Ngô Thị Mộng D1 đang còn nợ Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk 200.000.000 đồng, nên Trần Thị Kim D hứa sẽ cho vay để đáo hạn Ngân hàng số tiền này. Khoảng tháng 02-2015, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th nhận của bà Ngô Thị Mộng D1 65.000.000 đồng, gồm: 55.000.000 đồng là tiền Phạm Ngọc Th nói còn thiếu khi nhận đáo hạn số tiền 200.000.000 đồng mà bà Ngô Thị Mộng D1 còn nợ tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk, 10.000.000 đồng là tiền mà chị Nguyễn Thị Hà T nhờ bà Ngô Thị Mộng D1 đưa để chi phần trăm. Sau đó, Trần Thị Kim D nói với bà Ngô Thị Mộng D1 là còn thiếu 27.000.000 đồng nữa thì mới đủ tiền trả vào Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk. Ngày 10-02-2015, bà Ngô Thị Mộng D1 chuyển cho Trần Thị Kim D 27.000.000 đồng vào tài khoản số 0101559939 của Trần Thị Kim D mở tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Lắk.

Sau khi nhận 82.000.000 đồng của bà Ngô Thị Mộng D1 và 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Trang, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th chiếm đoạt tiêu xài chung.

3. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức P 60.000.000 đồng.

Thông qua bà Ngô Thị Mộng D1, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th quen

ông Nguyễn Đức P, từ đó Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th nhận lời giúp anh Phạm Văn D1 (là cháu ông Nguyễn Đức P) vay Ngân hàng 200.000.000 đồng. Do anh Phạm Văn D1 đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Mil để vay 50.000.000 đồng, nên Trần Thị Kim D nói với ông Nguyễn Đức P muốn được giải ngân nhanh thì phải đưa cho “sếp” 10.000.000 đồng (bằng 05% số tiền được vay), ông Nguyễn Đức P nói lại với anh Phạm Văn D1 thì anh Phạm Văn D1 đồng ý. Khi anh Phạm Văn D1 đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Lắk hỏi thủ tục trả tiền, rút hồ sơ thì Ngân hàng trả lời “nếu trả tiền trước hạn thì sẽ bị phạt 12.000.000 đồng”. Ông Nguyễn Đức P trao đổi lại nội dung trên thì Trần Thị Kim D nói cứ đưa tiền phần trăm và tiền còn nợ Ngân hàng để Trần Thị Kim D nộp sẽ không bị phạt. Ông Nguyễn Đức P đã cho anh Phạm Văn D1 vay 60.000.000 đồng (gửi qua nhân viên xe buýt cho Trần Thị Kim D 10.000.000 đồng và ngày 03-02-2015 chuyển vào tài khoản số 0101559939 của Trần Thị Kim D mở tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Lắk 50.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

4. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 210.000.000 đồng.

Thông qua bà Ngô Thị Mộng D1, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th quen chị Nguyễn Thị H. Khi biết chị Nguyễn Thị H có nhu cầu xin cho con trai là Nguyễn Văn H được đi học ngành Công an, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th nhận lời giúp cháu Nguyễn Văn H vào trường Đại học Công an thành phố Hồ Chí Minh với chi phí là 350.000.000 đồng, yêu cầu đưa trước 50%, khi nào có quyết định nhập học đưa tiếp số tiền còn lại. Ngày 06-02-2015, chị Nguyễn Thị H đã chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản số 0101559939 của Trần Thị Kim D mở tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Lắk. Giáp Tết nguyên đán năm 2015, chị Nguyễn Thị H gửi qua xe buýt lên cho Phạm Ngọc Th 10.000.000 đồng. Ngày 17-3-2015, Phạm Ngọc Th nói với chị Nguyễn Thị H là đến tháng 6-2015, cháu Nguyễn Văn H có quyết định nhập học và yêu cầu đưa thêm 50.000.000 đồng, cùng ngày chị Nguyễn Thị H chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản nêu trên của Trần Thị Kim D. Sau khi nhận 210.000.000 đồng, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

5. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lệ Th1 25.000.000 đồng.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th biết bà Nguyễn Thị Lệ Th1 có nhu cầu vay vốn Ngân hàng nên hứa sẽ giúp cho vay. Tháng 3-2015, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th nhờ Hồ Sỹ H1, sinh năm 1969, trú tại thôn 1X, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến gặp bà Nguyễn Thị Lệ Th1 để xem hồ sơ vay vốn Ngân hàng. Tại nhà bà Nguyễn Thị Lệ Th1, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th giới thiệu Hồ Sỹ H1 tên là Phong làm tín dụng ngân hàng (lúc này Hồ Sỹ H1 đi ra ngoài nên không biết). Sau đó bà Nguyễn Thị Lệ Th1 dẫn đi xem máy móc, nhà kho và nói là cần vay 1.000.000.000 đồng. Sau khi xem tài sản, Hồ Sỹ H1 nói tài sản thế chấp vay được 1.000.000.000 đồng rồi tất cả đi về thành phố B. Đến chiều cùng ngày, Trần Thị Kim D điện thoại nói với bà Nguyễn

Thị Lệ Th1 là Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 05% số tiền cần vay để chi cho “sếp” thì mới được giải ngân nhanh, bà Nguyễn Thị Lệ Th1 đã đem 25.000.000 đồng lên thành phố B đưa cho Trần Thị Kim D. Số tiền này Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

6. Trần Thị Kim D, Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Th2 5.580.000.000 đồng.

Khoảng tháng 6-2015, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th biết bà Nguyễn Thị Th2 có nguồn tiền để cho vay, nên đặt vấn đề vay tiền để đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng và đưa ra mức lãi suất tiền vay là 0,5%/ngày, trả lãi trước, thời hạn vay là 10 ngày. Để bà Nguyễn Thị Th2 tin tưởng, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th nói căn nhà ở hẻm 6XX, đường H, phường TL, thành phố B là nhà mới mua (nhà thuê) và quen biết Hồ Sỹ H1 làm cán bộ Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Lắk, có rất nhiều hợp đồng cần đáo hạn. Từ ngày 15-9-2015 đến ngày 21-9-2015, Trần Thị Kim D nhờ Hồ Sỹ H1 viết 02 giấy nhận tiền không, với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng, cùng nội dung là “*tôi Hồ Sỹ H1 nhận tiền của Trần Thị Kim D, mục đích đáo hạn tại Ngân hàng Đ, đường P, thành phố B...*”, từ đó, bà Nguyễn Thị Th2 tin tưởng cho cho Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th vay nhiều lần, với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15-9-2015 cho vay 700.000.000 đồng; ngày 16-9-2015 cho vay 400.000.000 đồng; ngày 17-9-2015 cho vay 1.200.000.000 đồng; ngày 18-9-2015 cho vay 200.000.000 đồng và ngày 21-9-2015 cho vay 1.500.000.000 đồng.

Sau khi vay 4.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Th2, Trần Thị Kim D cho Hồ Sỹ H1 vay lại 95.000.000 đồng (Hồ Sỹ H1 thế chấp cho Trần Thị Kim D Giấy chứng nhận sử dụng đất số D 0430024); sử dụng 2.649.900.000 đồng vào việc mua sản tài sản, cụ thể:

- Mua 02 xe mô tô trả góp biên kiểm soát 47M1-365.XX và 47M1-365.XX hết 59.300.000 đồng.

- Mua 04 điện thoại di động (02 điện thoại hiệu Iphone, 02 điện thoại hiệu Nokia) hết 30.000.000 đồng.

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 63, tại phường Tự An, thành phố B) với số tiền 800.000.000 đồng.

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa số 64A, tờ bản đồ số 43, tại xã Hòa Thắng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Văn T, trú tại: số 86/2 đường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với số tiền 400.000.000 đồng.

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa số 215B, tờ bản đồ số 11, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của bà Trần Thị Thu Y, trú tại: phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với số tiền 180.000.000 đồng. Còn lại 1.350.000.000 đồng không xác định được dùng vào những việc gì.

Đến hạn, để có tiền trả cho khoản vay 4.000.000.000 đồng nêu trên, từ ngày 23-9-2015 đến ngày 30-9-2015, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th tiếp tục nói dối bà Nguyễn Thị Th2 là cần vay tiền để đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng và

đưa ra mức lãi suất trả trước là 0,8%/ngày rồi Trần Thị Kim D tiếp tục nhờ Hồ Sỹ H1 viết 03 giấy nhận tiền không (Giấy vay ngày 23-9-2015, ngày 28-9-2015 và ngày 30-9-2015) nội dung như trên, với tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng. Do không có đủ tiền để cho vay, nên bà Nguyễn Thị Th2 đã đi vay của bà Vũ Thị Ly N, trú tại tổ dân phố X, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk 1.200.000.000 đồng; vay của chị Trần Thị Kim Th3, trú tại phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk 2.800.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Th2 bỏ ra 2.000.000.000 đồng. Tổng cộng, bà Nguyễn Thị Th2 cho Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th vay tiếp là 6.000.000.000 đồng, thể hiện tại 05 Hợp đồng vay, cụ thể: ngày 23-9-2015 cho vay 1.300.000.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng ở Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Lắk là 800.000.000 đồng, đáo hạn cho khách hàng ở huyện là 500.000.000 đồng; ngày 24-9-2015, cho vay 1.500.000.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng ở Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk là 1.100.000.000 đồng, đáo hạn cho khách hàng ở huyện là 400.000.000 đồng; ngày 28-9-2015 cho vay 200.000.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng; ngày 28-9-2015 cho vay 1.500.000.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng ở Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Lắk là 800.000.000 đồng, đáo hạn cho khách hàng ở huyện là 700.000.000 đồng; ngày 30-9-2015 cho vay 1.500.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng ở Ngân hàng Đ – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk là 1.200.000.000 đồng, đáo hạn cho khách hàng ở huyện là 300.000.000 đồng.

Sau khi nhận 6.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Th2, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th trả lãi suất trước cho bà Nguyễn Thị Th2 420.000.000 đồng, còn lại 5.580.000.000 đồng, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th trả nợ cho lần vay trước cho bà Nguyễn Thị Th2 (theo Hợp đồng vay tiền từ ngày 15-9-2015 đến ngày 21-9-2015) là 4.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.560.000.000 đồng, Trần Thị Kim D gửi vào tài khoản số 0231000419687 của Phạm Ngọc Th mở tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

7. Bùi Thị Thu D và đồng phạm chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị X 14.100.000 đồng.

Tháng 11-2003, ông Trần Tiến Tr, trú tại: số 549, Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk vay của Bùi Thị Thu D 5.000.000 đồng, khi vay có thể chấp 01 giấy sang nhượng đất, 01 sổ đăng ký tạm trú và 01 giấy đặt cọc sang nhượng nhà đất đều mang tên ông Trần Tiến Tr. Ngày 01-11-2004, do cần tiền nên Bùi Thị Thu D đã đem các giấy tờ mà ông Trần Tiến Tr đã thế chấp đến nhà Nguyễn Thị Ph, trú tại: tổ 5, khối 6, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để nhờ Nguyễn Thị Ph thế chấp vay tiền hộ. Tại nhà Nguyễn Thị Ph lúc này gồm có: Nguyễn Thị Ph, Bùi Thị Thu D, Ngô Thị Thu Th3 và Nguyễn Xuân H2, tất cả bàn với nhau đem các giấy tờ đến nhà bà Nguyễn Thị X thế chấp để vay tiền. Để bà Nguyễn Thị X tin tưởng Bùi Thị Thu D và đồng bọn bàn bạc, thống nhất để Nguyễn Xuân H2 đóng giả ông Trần Tiến Tr. Khi nhận thế chấp, bà Nguyễn Thị X không phát hiện ra thủ đoạn gian dối này, nên đã cho vay 15.000.000 đồng, nhưng lấy lãi suất trước 900.000 đồng. Số tiền còn lại 14.100.000 đồng, Nguyễn Thị Ph đưa hết cho Bùi Thị Thu D.

Như vậy, tổng số tiền mà Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th chiếm đoạt của 06 người bị hại là 5.982.000.000 đồng, Bùi Thị Thu D chiếm đoạt của 02 người bị hại là 29.100.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 223/PC54 ngày 06-5-2016, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Thu D, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th trong các “Hợp đồng vay tiền”, “Giấy nhận nợ” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Thu D, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra (bút lục số 174); tại các bản sao kê chi tiết phát sinh do các Ngân hàng cung cấp phù hợp với số tiền mà những người bị hại chuyển vào tài khoản số 0101559939 của Trần Thị Kim D mở tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 64/KL-GĐT, Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên – Bộ Y tế kết luận: về y học: trước, trong và sau khi gây án (ngày 20-01-2015) và hiện tại Bùi Thị Thu D bị bệnh: rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn khác do bệnh não và rối loạn chức năng não (F07.8-CD10); về pháp luật: hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HSST ngày 18-4-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trần Thị Kim D 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01-10-2015.

- Phạm Ngọc Th 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01-10-2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với Bùi Thị Thu D, quyết định trách nhiệm dân sự, quyết định án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20-4-2017, Phạm Ngọc Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 24-4-2017, Trần Thị Kim D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng Hình sự: sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Kim D; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng Hình sự: không chấp nhận kháng cáo của Phạm Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Mặc dù không phải là cán bộ Ngân hàng, không có người quen trong ngành Ngân hàng và cũng không có khả năng xin vào học tại các trường học của ngành Công an, nhưng Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th đã bàn bạc, đưa ra

thông tin gian dối là “có người quen làm trong ngành Ngân hàng, làm Giảng viên trong các trường học của ngành Công an nên có khả năng giúp vay tiền để đảo hạn tại các Ngân hàng và xin vào trường để học mà không phải thi” rồi dùng các thủ đoạn gian dối như “đóng giả cán bộ Ngân hàng hoặc nhờ người khác đóng giả cán bộ Ngân hàng” để những người bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01-2015 đến tháng 9-2015, bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Ngô Thị Mộng D1, chị Nguyễn Thị Hà T, ông Nguyễn Đức P, chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Lệ Th1 và bà Nguyễn Thị Th2 với tổng số tiền là 5.982.000.000 đồng. Với hành vi phạm tội như đã nêu, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th thừa nhận, vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã dùng các thủ đoạn gian dối như “đóng giả cán bộ Ngân hàng hoặc nhờ người khác đóng giả cán bộ Ngân hàng” để những người bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: từ tháng 01-2015 đến tháng 9-2015, Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Ngô Thị Mộng D1 97.000.000 đồng, của chị Nguyễn Thị Hà T 10.000.000 đồng, của ông Nguyễn Đức P 60.000.000 đồng, của chị Nguyễn Thị H 210.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Lệ Th1 25.000.000 đồng và của bà Nguyễn Thị Th2 5.580.000 đồng; tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 5.982.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an địa phương. Trước khi phạm tội Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th có sự bàn bạc, thống nhất với nhau để đưa ra thông tin gian dối, sau đó các bị cáo cùng thực hiện hành vi để chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại, do đó cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; một phần tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; trước khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tác động gia đình hoàn trả một phần cho người bị hại là bà Nguyễn Thị Th2 và trước khi xét xử phúc thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường thêm cho những người bị hại là bà Ngô Thị Mộng D1, bà Nguyễn Thị Th2 và ông Nguyễn Đức P; đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, những người bị hại là bà Nguyễn Thị Th2 và bà Ngô Thị Mộng D1 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó cũng nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo

của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trần Thị Kim D và Phạm Ngọc Th; sửa bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Thị Kim D** 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01-10-2015.

- **Phạm Ngọc Th** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01-10-2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ I;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk (03 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Những người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường